

Bản án số: 351/2022/HS-ST
Ngày 25-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tô Văn Nhung;
- Ông Từ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 327/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 354/2022/QĐXX-ST ngày 14/11/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C (tên gọi khác Nguyễn Đình C, Nguyễn C), sinh năm 1991, tại tỉnh Hà Tĩnh; thường trú: Tổ dân phố K, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Thái Thị T, sinh năm 1956; có 04 anh chị ruột lớn sinh năm 1980 nhỏ sinh năm 1988; tiền sự, tiền án: không; nhân thân: Ngày 15/8/2007, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh H ra quyết định số 896QĐ/UB về việc đưa đi trường giáo dưỡng 24 tháng; Bản án số 18/2010/HSST ngày 27/7/2010, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh H, xử phạt 01 năm 05 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đóng án phí ngày 31/12/2010; Bản án số 21/2011/HSST ngày 27/9/2011, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh H xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đóng án phí ngày 13/01/2012. Tổng hợp hình phạt bản án số 18/2010/HSST và bản án số 21/2011/HSST ngày 27/9/2011, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 năm 11 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/10/2012; bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị hại: Anh Bùi Long V, sinh năm 1998; thường trú: Thôn T (xóm 6), xã K, huyện K, tỉnh H; tạm trú: Đường ĐT743 khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1993; thường trú: 156/7A khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B; tạm trú: 41/4B đường N, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04 giờ 30 phút ngày 30/12/2021, Nguyễn Văn C (tên gọi khác Nguyễn C, Nguyễn Đình C) đón xe Grap đến phòng trọ của Lê Văn T, địa chỉ số 27/16 đường số 1, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh B để chơi. Tại phòng trọ của T, gồm có Bùi Long V, Nguyễn Long T và S. Đến 05 giờ 30 phút cùng ngày, C nhờ anh V chở đến khu vực gần phường T, thành phố D, tỉnh B để giải quyết việc riêng. Sau đó, V giao xe mô tô biển số 38K1 – 601.86 cho C điều khiển chở V quay về phòng trọ của T. Khi về phòng trọ, C dựng xe sát bờ tường trước cửa phòng trọ đồng thời rút chìa khóa xe mô tô bỏ vào túi quần của C, còn anh V lên gác nằm bấm điện thoại. C đi vào phòng ngồi xuống nền nhà được một lúc, C lên gác hỏi mượn xe mô tô của anh V, nhưng anh V không đồng ý và nói chuẩn bị đi làm. Một lúc sau, C lén lấy bóp của anh V, lục lấy giấy đăng ký xe mô tô biển số 38K1 – 601.86; 01 căn cước công dân và 01 giấy bảo hiểm xe mô tô biển số 38K1 – 601.86 mang tên Bùi Long V. Sau khi lấy được giấy tờ, C đẩy xe mô tô của anh V ra đường, rồi nổ máy điều khiển xe chạy đến tiệm cầm đồ “Q” địa chỉ số 41/4B Nguyễn D, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh B, gặp chị Trịnh Thị H chủ tiệm cầm đồ, cầm cố chiếc xe. Chị H đồng ý cầm chiếc xe cho C với số tiền 15.000.000đồng bằng hình thức lập hợp đồng cho vay thế chấp xe mô tô biển số 38K1 – 601.86. C sử dụng tiêu xài cá nhân. Khoảng 02 ngày sau, C đến tiệm cầm đồ Q, gặp chị H cầm cố thêm tiền chiếc xe 38K1 – 601.86. Chị H đưa cho C số tiền 1.000.000đồng. Tổng số tiền C cầm cố chiếc xe mô tô 38K1 – 601.86 cho chị H là 16.000.000đồng.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 05/KLĐG – HĐĐGTS ngày 26/01/2022, của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự kết luận, xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter biển số 38K1 – 601.86 có giá trị 33.000.000 đồng.

Tại cáo trạng số 360/CT – VKS ngày 31 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả cho bị hại, bị hại không yêu cầu gì nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Đối với chị Trịnh Thị H cầm cố chiếc xe mô tô Yamaha Exciter biển số 38K1 – 601.86, không biết C phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương không xử lý. Chị Trịnh Thị H yêu cầu bị cáo phải trả số tiền cầm cố 16.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo trả cho chị H số tiền 16.000.000 đồng.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo Nguyễn Văn C xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đồng ý trả cho chị Trịnh Thị H số tiền 16.000.000 đồng.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt, chị Trịnh Thị H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 16.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình cơ quan điều tra, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại đơn xin giải quyết vắng mặt, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đề nghị xét xử vắng mặt. Bị hại đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 290, 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[3] Căn cứ vào lời khai của bị cáo trong quá trình tố tụng, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 30/12/2021, tại địa chỉ số 27/16, đường số 1, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh B, Nguyễn Văn C đã lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Yamaha số loại Exciter biển số 38K1 – 601.86 trị giá 33.000.000 đồng của anh Bùi Long V. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 360/CT – VKS ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài

sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo đã bị xét xử hai lần về tội trộm cắp tài sản, đã được xóa án tích nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản thể hiện tính không hướng thiện của bị cáo.

[8] Trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt là xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter biển số 38K1 – 601.86 trị giá 33.000.000đồng. Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với chị Trịnh Thị H, cầm cố chiếc xe mô tô Yamaha Exciter biển số 38K1 – 601.86, không biết Chương phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương không xử lý. Chị Trịnh Thị H yêu cầu bị cáo phải trả số tiền cầm cố là 16.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường cho chị Trịnh Thị H 16.000.000 đồng. Vì vậy, cần buộc bị cáo có trách nhiệm trả cho chị Huế số tiền 16.000.000 đồng.

[10] Hình phạt chính: Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[11] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[12] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp nên chấp nhận.

[13] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C (Nguyễn C, Nguyễn Đình C) phạm tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C (Nguyễn C, Nguyễn Đình C) 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 468, 584, 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 19/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C (Nguyễn C, Nguyễn Đình C) có nghĩa vụ bồi thường cho chị Trịnh Thị H số tiền 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày chị Trịnh Thị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Nguyễn Văn C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 800.000 (tám trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Công an thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA dân sự thành phố Dĩ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKS nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền

